

Số: 4085/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 15 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phát triển Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/06/2025;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/6/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10728/TTr-SNNMT-PTNT ngày 17/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án), với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó Hợp tác xã (HTX) đóng vai trò chủ đạo là xu thế tất yếu, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường; qua đó góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân và thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Việc ứng dụng công nghệ cao trong các HTX cần gắn với điều kiện, quy mô và đặc thù của từng vùng sinh thái, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời phải đi đôi với nâng cao năng lực quản trị và tổ chức sản xuất của HTX; tăng cường liên kết giữa nông dân - HTX - doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp chế biến và phân phối, để hình thành các chuỗi giá trị nông sản ổn định, bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và năng lực cạnh tranh của các HTX; hình thành các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, bền vững, làm nòng cốt trong liên kết sản xuất và xây dựng vùng nguyên liệu tập trung. Đồng thời, nâng cao vai trò của HTX trong tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu toàn tỉnh có ít nhất 150 HTX ứng dụng công nghệ cao (chiếm khoảng 18% tổng số HTX nông nghiệp toàn tỉnh), trong đó có 100 HTX trồng trọt, 20 HTX chăn nuôi, 15 HTX thủy sản và 15 HTX lâm nghiệp; có ít nhất 30 HTX ứng dụng đồng bộ công nghệ cao trong các khâu từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ;

- Ít nhất 60% số HTX ứng dụng công nghệ cao có sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP, hữu cơ hoặc tương đương và 50% số HTX có sản phẩm được đưa vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch hoặc tiêu thụ qua các kênh thương mại điện tử;

- Doanh thu bình quân của HTX nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao đạt tối thiểu 7.000 triệu đồng/HTX/năm, lợi nhuận trung bình đạt tối thiểu 600 triệu đồng/HTX/năm;

- Ít nhất 70% số HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, kỹ thuật sản xuất ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật chế biến, kỹ năng xây dựng và phát triển liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chuyển đổi số và xúc tiến thương mại;

- Xây dựng và nhân rộng ít nhất 20 mô hình HTX điển hình ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, làm cơ sở để phổ biến, lan tỏa, chuyển giao kinh nghiệm trên địa bàn toàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN HTX NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO GẮN VỚI CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Xác định danh mục các công nghệ cao ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các HTX nông nghiệp

Trên cơ sở danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp được quy định tại Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Đề án xác định các nhóm công nghệ cao cần ưu tiên hỗ trợ gồm:

1.1. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

- Công nghệ sinh học trong sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp và môi trường: phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường;
- Công nghệ vi sinh, enzym và protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;
- Công nghệ sinh học, công nghệ viեն thám trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp.

1.2. Kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản

- Ứng dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động;
- Ứng dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;
- Ứng dụng công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh trong bảo quản nông sản;
- Ứng dụng công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản an toàn theo VietGAP;
- Ứng dụng công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản;
- Ứng dụng công nghệ xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

1.3. Công nghệ tự động hóa

- Công nghệ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch nông sản;
- Công nghệ tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác cây trồng quy mô hàng hóa;
- Công nghệ tự động hóa, bán tự động trong quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp, thâm canh nuôi trồng thủy sản, trồng trọt.

1.4. Công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, Internet kết nối vạn vật (IoT), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), nông nghiệp chính xác trong sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản.

2. Phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy các HTX ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo hướng bền vững

- Tư vấn, hỗ trợ thành lập, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến gắn kết tiêu thụ sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tế và tiềm năng, lợi thế từng địa bàn;

- Tư vấn, hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản trị, điều hành; đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh, tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả;

- Hỗ trợ các HTX đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản phù hợp với quy mô và điều kiện thực tế;

- Xây dựng, hoàn thiện mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị, trong đó HTX đóng vai trò là đầu mối tổ chức sản xuất, kết nối doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, điều hành HTX theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại; hỗ trợ HTX trong tiếp cận tri thức mới, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ cao, quản trị sản xuất, tài chính và thị trường để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành cho đội ngũ cán bộ quản lý HTX; hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, hiệu quả; nâng cao kỹ năng áp dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và điều hành HTX;

- Tổ chức các hoạt động kết nối, học tập kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ cho HTX để các HTX tiếp cận được các thông tin, tri thức mới, học hỏi kinh nghiệm từ chuyên gia, doanh nghiệp, các mô hình điển hình trong và ngoài tỉnh; kết nối HTX với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ để tiếp cận và chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với điều kiện canh tác tại địa phương;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, hỗ trợ HTX các cấp, nhất là cấp xã nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng tư vấn, hướng dẫn HTX trong quá trình tổ chức sản xuất, quản lý tài chính, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và phát triển thị trường;

- Lồng ghép, huy động nguồn lực từ các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển HTX, chuyển đổi số nông nghiệp, phát triển sản phẩm OCOP, khuyến nông,... để tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho HTX, tạo điều kiện thuận lợi để HTX tiếp cận và ứng dụng tri thức mới một cách hiệu quả.

4. Hình thành và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm giữa HTX với doanh nghiệp, đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ HTX phát triển thương hiệu, chứng nhận chất lượng và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh; áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;

- Hỗ trợ các HTX xây dựng và ký kết hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ với doanh nghiệp theo hướng ổn định, lâu dài; tư vấn nội dung hợp đồng, cơ chế chia sẻ lợi ích và giám sát thực hiện để hạn chế rủi ro;

- Hỗ trợ các HTX xây dựng thương hiệu, chứng nhận chất lượng, đăng ký mã số vùng trồng, nhãn hiệu hàng hóa và truy xuất nguồn gốc điện tử; kết nối tiêu thụ qua siêu thị, chuỗi bán lẻ, thương mại điện tử và xuất khẩu;

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ chế biến, bảo quản và logistics như kho lạnh, cơ sở sơ chế, đóng gói, vận chuyển,... nhằm bảo đảm chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm công nghệ cao;

- Lựa chọn, hỗ trợ phát triển mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao tiêu biểu theo vùng hoặc sản phẩm có tiềm năng nhân rộng, tập trung hỗ trợ đồng bộ về công nghệ, quản trị, liên kết doanh nghiệp và thị trường.

5. Đề xuất xây dựng và triển khai các mô hình HTX điển hình về ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; tổ chức đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh

- Lựa chọn mô hình HTX tiêu biểu theo vùng và theo nhóm sản phẩm đặc trưng, có khả năng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, đáp ứng yêu cầu thị trường. Ưu tiên những HTX đã có nền tảng sản xuất tốt, vùng nguyên liệu ổn định, có liên kết với doanh nghiệp và hệ thống phân phối để hỗ trợ xây dựng mô hình;

- Hỗ trợ đầu tư có trọng điểm, bao gồm hạ tầng, máy móc, thiết bị công nghệ cao, công nghệ chế biến bảo quản, chuyển đổi số cho các HTX;

- Tổ chức tập huấn, tư vấn kỹ thuật cho HTX mô hình điển, nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành, khả năng áp dụng công nghệ và phát triển thị trường;

- Đánh giá định kỳ kết quả thực hiện mô hình, rút kinh nghiệm, tổng kết những yếu tố thành công và khó khăn; định hướng nhân rộng mô hình phù hợp với từng loại hình HTX và điều kiện của các vùng khác nhau;

- Tổ chức truyền thông, giới thiệu mô hình điển hình, tạo hiệu ứng lan tỏa, khuyến khích các HTX học tập, áp dụng, góp phần thúc đẩy nhân rộng mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao trên toàn tỉnh.

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người

đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của kinh tế tập thể, HTX, đặc biệt là vị trí, vai trò của các HTX ứng dụng công nghệ cao;

- Xác định phát triển kinh tế tập thể, HTX, đặc biệt là HTX ứng dụng công nghệ cao là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, là xu thế tất yếu trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiệu quả, bền vững;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các mô hình HTX điển hình, nhân tố mới, cách làm sáng tạo trong ứng dụng công nghệ cao, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm, để lan tỏa, nhân rộng. Chú trọng tuyên truyền tại cơ sở, nơi có điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình HTX kiểu mới;

- Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, hệ thống chính trị cơ sở, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc truyền thông trực quan, linh hoạt, dễ tiếp cận, phù hợp với trình độ nhận thức của người dân và thành viên HTX về phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá thực trạng năng lực của cán bộ quản lý HTX và cán bộ hỗ trợ HTX ở các cấp để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, sát với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao;

- Xây dựng bộ chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn chuẩn hóa, cập nhật theo định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, gắn với thực hành sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị;

- Đổi mới phương pháp đào tạo, tập huấn theo hướng thực tiễn, dễ tiếp cận như mô hình “cầm tay chỉ việc”, học tập tại mô hình HTX điển hình, tham quan học hỏi tại các địa phương có cách làm hay; lồng ghép đào tạo trực tuyến để mở rộng phạm vi tiếp cận;

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm thống nhất nội dung, tránh chồng chéo, phân tán nguồn lực;

3. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Tăng cường hoạt động chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất và quy mô của HTX nông nghiệp; ưu tiên một số công nghệ như: công nghệ sinh học; tưới tiết kiệm; giám sát, bảo vệ môi trường; chế biến, bảo quản; truy xuất nguồn gốc và công nghệ sau thu hoạch.

- Ưu tiên hỗ trợ các HTX tiếp cận, lựa chọn và ứng dụng các công nghệ có tính thực tiễn cao, dễ vận hành, chi phí phù hợp và có khả năng nhân rộng. Khuyến khích áp dụng mô hình mẫu để nhân rộng trong vùng sản xuất.

- Phát triển hệ thống dịch vụ tư vấn, hỗ trợ công nghệ cho HTX, thông qua kết nối với các viện, trường, doanh nghiệp công nghệ, trung tâm khuyến nông, xúc tiến thương mại và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong HTX thông qua hỗ trợ phần mềm quản trị, nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc, kết nối tiêu thụ qua nền tảng số; khuyến khích xây dựng mô hình HTX “số hóa” toàn diện, từ sản xuất đến thương mại.

- Xây dựng và phát triển phong trào đổi mới sáng tạo trong các HTX nông nghiệp bằng việc khuyến khích áp dụng công nghệ mới, phát huy sáng kiến trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; tổ chức các hoạt động truyền thông, diễn đàn, hội thảo để lan tỏa tinh thần đổi mới, ứng dụng công nghệ cao, tạo động lực cho HTX không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành như: Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ, Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh... Đồng thời, nghiên cứu rà soát để sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp với giai đoạn mới, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ các HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ khác,... trên địa bàn các xã để thực hiện đề án, đồng thời huy động tối đa nguồn lực của nhân dân và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để triển khai thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong đề án; quan tâm bố trí ngân sách hàng năm để hỗ trợ xây dựng các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ liên kết với HTX cùng đầu tư, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; tạo môi trường thuận lợi để phát triển các mô hình liên kết hiệu quả, bền vững.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tín dụng, thuế, đất đai, đào tạo nhân lực... cho các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, có chuỗi liên kết ổn định và minh bạch tài chính.

5. Giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng, logistics

- Quan tâm, hỗ trợ kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất, đặc biệt là giao thông nội đồng nhằm đảm bảo vận chuyển nông sản thuận lợi, an toàn, tiết kiệm cả thời gian, chi phí.

- Hỗ trợ các HTX xây dựng hạ tầng chế biến nhỏ và vừa gắn với vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với năng lực quản lý, sản lượng, đặc điểm sản phẩm của từng địa phương; ưu tiên công nghệ tiết kiệm năng lượng, dễ vận hành.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và logistics, đặc biệt tại các vùng nguyên liệu tập trung, thông qua cơ chế hợp tác công - tư với sự hỗ trợ của Nhà nước về đất đai, thủ tục, một phần kinh phí đầu tư hoặc lãi suất vay.

6. Giải pháp tổ chức sản xuất

- Tiếp tục thành lập và phát triển các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm thực hiện các mục tiêu về cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững; đẩy mạnh xây dựng, nhân rộng các mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao hoạt động có hiệu quả.

- Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các HTX ứng dụng công nghệ cao để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia làm thành viên của HTX ứng dụng công nghệ cao để huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực về vốn, công nghệ, quản trị và thị trường từ phía doanh nghiệp.

- Hướng dẫn các HTX ứng dụng công nghệ cao phát triển, mở rộng quy mô thành viên nhằm tạo sức lan tỏa, ảnh hưởng của các HTX rộng khắp trên địa bàn; khuyến khích các nhà đầu tư, tổ chức khoa học - công nghệ, chuyên gia kỹ thuật tham gia làm thành viên liên kết, nhằm hỗ trợ HTX trong đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ cao.

7. Giải pháp về sơ chế, chế biến, xúc tiến thương mại và thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Rà soát, quy hoạch và ưu tiên bố trí quỹ đất để xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến, kho lạnh, điểm tập kết, đóng gói, bảo quản nông sản phù hợp với quy mô và điều kiện thực tế của các HTX, gắn với vùng sản xuất tập trung và chuỗi liên kết; khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất, đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Tăng cường hỗ trợ xây dựng và quảng bá sản phẩm của các HTX, đặc biệt là các sản phẩm của HTX ứng dụng công nghệ cao; hướng dẫn đăng ký mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, mã cơ sở đóng gói, tem truy xuất nguồn gốc điện tử...

- Phát triển các kênh tiêu thụ hiện đại cho sản phẩm công nghệ cao, mở rộng kết nối với hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng nông sản an toàn, sàn thương mại điện tử và các kênh phân phối trong và ngoài tỉnh; đồng thời tăng cường xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, sự kiện kết nối cung - cầu để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm công nghệ cao.

- Khuyến khích HTX ứng dụng công nghệ cao tham gia và giữ vai trò nòng cốt trong chuỗi liên kết, chủ động tổ chức sản xuất gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường; đảm bảo sản phẩm được sản xuất theo quy trình công nghệ cao, đồng đều về chất lượng, sản lượng, có khả năng truy xuất nguồn gốc, tạo nền tảng cho hợp đồng liên kết ổn định, bền vững.

8. Giải pháp về nâng cao, phát huy vai trò quản lý của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội

- Rà soát, kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác từ tỉnh đến xã; xác định rõ đầu mối theo dõi, tham mưu phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, nhất là cán bộ cấp xã trực tiếp theo dõi, hướng dẫn các HTX ứng dụng công nghệ cao, theo hướng trang bị kiến thức về công nghệ cao trong nông nghiệp, kinh tế số, thương mại điện tử, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc và quản trị chuỗi giá trị nông sản công nghệ cao..

- Phát huy vai trò của chính quyền địa phương trong hỗ trợ, giám sát hoạt động liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ của HTX ứng dụng công nghệ cao; chủ động tháo gỡ khó khăn, xử lý tranh chấp trong hợp đồng, bảo đảm lợi ích hài hòa và sự gắn kết bền vững giữa HTX với doanh nghiệp, nông dân

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...) trong tuyên truyền, vận động thành lập HTX ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mới cho thành viên; đồng thời nhân rộng các mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao điển, thúc đẩy sự tham gia của nông dân trẻ, phụ nữ và thanh niên trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

IV. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Dự kiến nguồn kinh phí hỗ trợ

1.1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án là: 158.250 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*); trong đó kinh phí nhà nước hỗ trợ là 72.400 triệu đồng và kinh phí đối ứng của HTX, nông dân là 85.850 triệu đồng.

1.2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện trong khả năng cân đối từng thời kỳ theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Lồng ghép kinh phí thực hiện từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, Đề án, Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích huy động các nguồn tài trợ, đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Phân nguồn kinh phí, tiến độ thực hiện

2.1. Phân nguồn kinh phí:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 72.400 triệu đồng, gồm:
 - + Ngân sách tỉnh: 46.000 triệu đồng;
 - + Ngân sách trung ương: 26.400 triệu đồng.
- Vốn đối ứng của HTX, nông dân: 85.850 triệu đồng.

2.2. Tiến độ thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện đề án; tham mưu, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của đề án phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí triển khai thực hiện đề án hàng năm; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện đề án ở các địa phương, đơn vị trực thuộc; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Hỗ trợ các địa phương, HTX về việc xác định các nội dung công nghệ cao ứng dụng vào sản xuất; xây dựng, quảng bá các mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên các nguồn lực do ngành quản lý để triển khai thực hiện đề án.

- Tổng kết và nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương trong việc kêu gọi, thu hút nguồn lực đầu tư vào các dự án nông nghiệp công nghệ cao; bố trí nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của HTX.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản phù hợp với điều kiện địa phương; ưu tiên các sản phẩm có thị trường tiêu thụ ổn định hoặc có khả năng xuất khẩu.

- Tư vấn, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, đăng ký nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, tem điện tử thông minh... cho các sản phẩm của HTX nông nghiệp công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp triển khai các giải pháp thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nhất là chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch và logistics phục vụ HTX ứng dụng công nghệ cao; gắn với quy hoạch các cụm công nghiệp và vùng nguyên liệu tập trung.

- Hỗ trợ các HTX tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, kết nối cung cầu, phát triển thương mại điện tử; quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghệ cao ra thị trường trong và ngoài nước.

5. Liên minh HTX tỉnh

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, đặc biệt là các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.
- Thực hiện tư vấn, hướng dẫn thành lập mới HTX; hỗ trợ HTX xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, tổ chức hoạt động hiệu quả theo Luật HTX 2023; chú trọng phát triển HTX có sự tham gia liên kết với doanh nghiệp.
- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX, tổ hợp tác về công nghệ, quản trị, liên kết sản xuất - tiêu thụ, xúc tiến thương mại; hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.
- nắm bắt, tổng hợp và phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc của HTX và thành viên trong quá trình hoạt động đến các cơ quan chức năng để đề xuất giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ hiệu quả.

6. UBND các xã, phường

- Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với quy hoạch và mục tiêu của Đề án.
- Tăng cường vai trò của chính quyền cơ sở trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn thành lập và phát triển HTX nông nghiệp công nghệ cao; kiểm tra, giám sát hoạt động liên kết sản xuất - tiêu thụ của HTX; tham gia tháo gỡ các vướng mắc tại cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao.
- Căn cứ vào điều kiện thực tế, đề xuất chính sách hỗ trợ phù hợp để khuyến khích phát triển các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với sản phẩm chủ lực, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

7. HTX và các tổ chức, cá nhân liên quan

- Chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển công nghệ cao, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; từng bước ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ số vào các khâu sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.
- Tích cực tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và thành viên HTX về ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, kỹ thuật canh tác hiện đại, thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Phối hợp với các doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong việc tiếp cận, thử nghiệm, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện sản xuất của HTX.

- Chủ động tìm kiếm, mở rộng liên kết hợp tác với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tham gia ký kết các hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, sản lượng và lợi ích hài hòa giữa các bên tham gia.

- Chủ động đề xuất các nhu cầu hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, tiếp cận tín dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực... với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét hỗ trợ theo cơ chế, chính sách hiện hành.

- Tăng cường vai trò tự chủ, minh bạch trong quản lý và điều hành HTX, nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo sự tin tưởng và thu hút sự tham gia của thành viên, mở rộng quy mô và sức lan tỏa của mô hình HTX nông nghiệp công nghệ cao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chi cục trưởng Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Lưu VT, NN (TP, N.Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

Phụ lục I: Dự kiến xây dựng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao điển hình giai đoạn 2026 - 2030
 (Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Loại mô hình	Định hướng công nghệ ứng dụng	Số lượng mô hình dự kiến
1	Trồng trọt	HTX sản xuất rau, củ, quả an toàn ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	Nhà màng, hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân tự động, cảm biến giám sát môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, dinh dưỡng đất), hệ thống sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm, kho lạnh bảo quản. Áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, truy xuất nguồn gốc điện tử (QR code), tích hợp công nghệ số trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm	3
		HTX trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao	Hệ thống tưới thông minh, có thể kết hợp bón phân tự động; cảm biến giám sát độ ẩm, sâu bệnh, môi trường; giống cây sạch bệnh, chất lượng cao; cơ giới hóa trong sản xuất; máy móc sơ chế, chế biến, phân loại, đóng gói sản phẩm; kho bảo quản sau thu hoạch; truy xuất nguồn gốc, chứng nhận VietGAP, hữu cơ...	2
		HTX trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao gắn với sơ chế, chế biến sản phẩm	Nhà màng, hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân tự động, cảm biến giám sát môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, dinh dưỡng đất), hệ thống sơ chế, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm. Áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, GACP, hữu cơ, truy xuất nguồn gốc điện tử (QR code), tích hợp công nghệ số trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm	3
		HTX sản xuất các sản phẩm cây công nghiệp (mía, chè, sắn) ứng dụng công nghệ cao gắn với sơ chế, chế biến sản phẩm	Sử dụng giống chất lượng cao, kháng sâu bệnh; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất; ứng dụng drones, camera AI kiểm tra sinh trưởng, phát hiện, phòng trừ sâu bệnh; hệ thống sơ chế, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm; sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ... truy xuất nguồn gốc sản phẩm.	2
		HTX sản xuất lúa gạo ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	Sử dụng giống lúa năng suất cao, kháng sâu bệnh, phù hợp biến đổi khí hậu; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất; công nghệ sau thu hoạch như máy sấy, hệ thống xay xát hiện đại, đóng gói sản phẩm; áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, truy xuất nguồn gốc điện tử (QR code)	4

STT	Lĩnh vực	Loại mô hình	Định hướng công nghệ ứng dụng	Số lượng mô hình dự kiến
2	Chăn nuôi	HTX chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao	Chuồng kín, hệ thống cho ăn, uống tự động; xử lý chất thải bằng đệm lót sinh học, biogas; cảm biến giám sát môi trường; phần mềm quản lý đàn, truy xuất nguồn gốc; ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2
3	Thủy sản	HTX nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Hệ thống ao lót bạt HDPE, giàn quạt nước, máy cho ăn tự động, thiết bị đo nhiệt độ, pH, oxy hòa tan; áp dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường nước và phần mềm theo dõi, quản lý sản xuất giúp nâng cao hiệu quả và giảm rủi ro trong nuôi trồng; cơ giới hóa trong sản xuất; hệ thống sơ chế, chế biến, bảo quản; xây dựng chứng nhận chất lượng, thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc	2
4	Lâm nghiệp	HTX sản xuất lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với sơ chế, chế biến sản phẩm	Ứng dụng cây giống lâm nghiệp nuôi cấy mô, gieo ươm bằng giá thể sạch. Quản lý rừng trồng bằng GIS, ảnh viễn thám, mã QR truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng; sử dụng máy bay không người lái (drone) giám sát sâu bệnh, cháy rừng; đầu tư máy cưa xẻ, nâng hạ, sấy gỗ, ép viên nén sinh khối, chế biến mùn cưa, ván ép.	2

* Tổng số 20 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao điển hình

Phụ lục II: Tổng hợp kinh phí dự kiến thực hiện Đề án giai đoạn 2026 – 2030
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Định mức tạm tính	Thành tiền	Trong đó			Ghi chú	
						Vốn đối ứng của HTX, nông dân	Nhà nước hỗ trợ			
							Tổng	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW
I	Kinh phí thực hiện theo các chính sách hiện hành				138.250	75.850	62.400	36.000	26.400	
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực				8.000	0	8.000	6.000	2.000	Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX trên địa bàn tỉnh Nghệ An....
-	Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn	Lớp	20	80	1.600	0	1.600	0	1.600	
-	Hỗ trợ đào tạo	Lớp	5	80	400	0	400	0	400	
-	Hỗ trợ đưa cán bộ trẻ có trình độ cao về làm việc tại các HTX	Người	20	300	6.000	0	6.000	6.000	0	
2	Hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả				1.000	0	1.000	0	1.000	
-	Hỗ trợ tổ chức hội thảo, hội nghị phổ biến kinh nghiệm; tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm	Cuộc	5	200	1.000	0	1.000	0	1.000	
3	Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường				6.250	1.250	5.000	0	5.000	
-	Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm, hoạt động xúc tiến thương mại	HTX	10	25	250	50	200		200	



TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Định mức tạm tính	Thành tiền	Trong đó				Ghi chú
						Vốn đối ứng của HTX, nông dân	Nhà nước hỗ trợ			
							Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc	HTX	20	200	4.000	800	3.200		3.200	
-	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương	HTX	10	100	1.000	200	800		800	
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử	HTX	10	100	1.000	200	800		800	
4	Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	HTX	15	200	3.000	600	2.400	0	2.400	
5	Hỗ trợ hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	Dự án/Kế hoạch	15	8.000	120.000	74.000	46.000	30.000	16.000	Nghị quyết số 13/2018/NQ-HDND ngày 12/12/2018
II	Kinh phí đề xuất hỗ trợ để xây dựng các mô hình (trung bình 2 tỷ đồng/năm)				20.000	10.000	10.000	10.000	0	
1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản	HTX	20	1.000	20.000	10.000	10.000	10.000	0	Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ
III	Tổng (I+II)				158.250	85.850	72.400	46.000	26.400	